



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản*

Số 06

Ngày 15 tháng 01 năm 2011

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

21-12-2010 -	Quyết định số 83/2010/QĐ-UBND về điều chỉnh mức thu phí qua các bên phà Thủ Thiêm, Cát Lái và Bình Khánh trên địa bàn thành phố.	03
21-12-2010 -	Quyết định số 84/2010/QĐ-UBND về ban hành mức thu phí cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm áp dụng tại các cơ quan đăng ký thuộc ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	06
22-12-2010 -	Quyết định số 85/2010/QĐ-UBND về ban hành mức thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố.	09
22-12-2010 -	Quyết định số 86/2010/QĐ-UBND về bổ sung nhiệm vụ và chế độ thù lao cho cộng tác viên Dân số - Kế hoạch hóa gia đình để thực hiện thêm nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại tổ dân phố, khu phố, ấp trên địa bàn thành phố.	12

- 22-12-2010 - Quyết định số 87/2010/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung một số chế độ cho đối tượng bảo trợ xã hội và cai nghiện ma túy, mại dâm; cán bộ, nhân viên đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố. 14
- 24-12-2010 - Quyết định số 88/2010/QĐ-UBND về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 17

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

- 22-12-2010 - Chỉ thị số 05/2010/CT-UBND về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân; công tác tuyển sinh quân sự và công tác đăng ký, quản lý, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2011. 19

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ**

- 23-12-2010 - Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Phú. 24

### **PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 14-12-2010 - Quyết định số 5687/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn và nghĩa trang Đa Phước tại xã Đa Phước và xã Phong Phú, huyện Bình Chánh. 32

---

20-12-2010 - Quyết định số 5765/QĐ-UBND về việc duyệt Đề án quy hoạch sản xuất muối trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (huyện cần Giờ) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. 38

27-12-2010 - Quyết định số 5881/QĐ-UBND về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu II và một phần khu III thuộc Khu đô thị Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh. 45

**VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ  
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

23-12-2010 - Công văn số 460/CV-VP về đính chính văn bản. 54

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 83/2010/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2010*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về điều chỉnh mức thu phí qua các bến phà Thủ Thiêm,  
Cát Lái và Bình Khánh trên địa bàn thành phố**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2010/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố, khóa VII, kỳ họp thứ 19 về điều chỉnh mức thu phí qua, bến phà Thủ Thiêm, Cát Lái và Bình Khánh trên địa bàn thành phố,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh mức thu phí qua các bến phà Thủ Thiêm, Cát Lái và Bình Khánh trên địa bàn thành phố, theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Mức thu phí mới được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Giao thông vận tải và Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên Xung phong thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị quản lý các bến phà (Công ty TNHH Một thành viên Công trình cầu phà thành phố và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong thành phố) tổ chức thực hiện mức thu phí mới theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 146/2006/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên Xung phong thành phố, Giám đốc công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong thành phố, Giám đốc công ty TNHH Một thành viên Công trình cầu phà thành phố, các tổ chức, cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**PHỤ LỤC**

**Mức thu phí qua các bến phà Thủ Thiêm, Cát Lái  
và Bình Khánh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh,  
áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2010**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 83/2010/QĐ-UBND  
ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

<b>Số thứ tự</b>	<b>Đối tượng qua phà</b>	<b>Đvt</b>	<b>Bến phà Thủ Thiêm</b>	<b>Bến phà Cát Lái</b>	<b>Bến phà Bình Khánh</b>
1	Hành khách đi bộ	đồng/người	1.000	1.000	1.000
2	Hành khách đi xe đạp	đồng/người-xe	1.000	1.000	1.000
3	Hành khách đi xe gắn máy	đồng/người-xe	2.000	3.000	4.500
4	Xe thô sơ không hàng	đồng/xe	2.000	3.000	6.000
5	Xe thô sơ có hàng	đồng/xe	3.500	6.000	12.000
6	Xe 3 bánh	đồng/xe	6.000	6.000	8.000
7	Xe ô tô con dưới 7 chỗ ngồi	đồng/xe	11.000	15.000	23.000
8	Xe khách từ 7 đến 20 chỗ ngồi	đồng/xe	16.000	20.000	28.000
9	Xe khách từ 20 đến 30 chỗ ngồi	đồng/xe	18.000	22.000	31.000
10	Xe khách trên 30 chỗ ngồi	đồng/xe	22.000	30.000	46.000
11	Xe tải dưới 3 tấn	đồng/xe	17.000	25.000	39.000
12	Xe tải từ 3 đến dưới 5 tấn	đồng/xe	24.000	30.000	46.000
13	Xe tải từ 5 đến dưới 7 tấn	đồng/xe	36.000	48.000	77.000
14	Xe tải từ 7 đến dưới 10 tấn	đồng/xe	48.000	60.000	93.000
15	Xe tải từ 10 đến dưới 13 tấn hoặc xe đầu kéo không rơ móc	đồng/xe	60.000	72.000	108.000
16	Xe tải từ 13 đến dưới 15 tấn	đồng/xe	72.000	84.000	124.000
17	Xe tải từ 15 tấn trở lên	đồng/xe		108.000	185.000
18	Xe đầu kéo rơ móc	đồng/xe		144.000	232.000

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 84/2010/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2010*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành mức thu phí cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm  
áp dụng tại các cơ quan đăng ký thuộc ngành tài nguyên và  
môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2007/TTLT/BTC-BTP ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 36/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số

03/2007/TTLT/BTC-BTP ngày 10 tháng 01 năm 2007 hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2010/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII, kỳ họp thứ 19 về thu phí cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm áp dụng tại các cơ quan đăng ký thuộc ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường của Ủy ban nhân dân quận, huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với những nơi không thành lập Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi được Phòng Tài nguyên và Môi trường ủy quyền thực hiện trên địa bàn thành phố như sau:

1. Mức thu cụ thể: 30.000 đồng/trường hợp (mỗi lần cung cấp thông tin theo tên của bên bảo đảm hoặc tài sản bảo đảm được tính là một trường hợp).

2. Những trường hợp không thu phí:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan tài nguyên và môi trường địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp trong trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và đất đai thuộc phạm vi quản lý.

b) Các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng, cơ quan tổ chức chính trị xã hội trong trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm để thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng của mình.

3. Quản lý và sử dụng nguồn thu:

Cơ quan thu phí được để lại 65% số thu phí để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm, nộp ngân sách 35%. Phần phí để lại, đơn vị thu quản lý và sử dụng theo quy định tại Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

4. Thời gian thực hiện: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.



**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 85/2010/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2010*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về ban hành mức thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2010/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố về thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành mức thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất khi chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố như sau:

#### **1. Mức thu:**

a) Trường hợp giao đất, cho thuê đất:

STT	Quy mô diện tích (m <sup>2</sup> )	Mức thu (đồng/hồ sơ)	
		Tại quận	Tại huyện
<b>I</b>	<b>Đối với hộ gia đình, cá nhân</b>		
1	Nhỏ hơn 500m <sup>2</sup>	50.000	25.000
2	Từ 500m <sup>2</sup> trở lên	500.000	250.000
<b>II</b>	<b>Đối với tổ chức</b>		
1	Nhỏ hơn 10.000m <sup>2</sup>	2.000.000	
2	Từ 10.000m <sup>2</sup> đến dưới 100.000m <sup>2</sup>	3.000.000	
3	Từ 100.000m <sup>2</sup> trở lên	5.000.000	

b) Trường hợp chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất:

STT	Giá trị tài sản chuyển nhượng	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Tài sản có giá trị đến 1 tỷ đồng	50.000
2	Tài sản có giá trị từ trên 1 đến 5 tỷ đồng	100.000
3	Tài sản có giá trị từ trên 5 đến 10 tỷ đồng	2.100.000
4	Tài sản có giá trị trên 10 tỷ đồng	3.100.000

## 2. Trường hợp không thu phí:

Không thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu.

**3. Quản lý và sử dụng nguồn thu:** đơn vị thu phí được để lại 50% số phí thu được để trang trải cho các hoạt động thu phí, nộp ngân sách 50%. Việc quản lý và sử dụng số tiền phí để lại: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính,

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 86/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về bổ sung nhiệm vụ và chế độ thù lao cho công tác viên Dân số -  
Kế hoạch hóa gia đình để thực hiện thêm nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc  
trẻ em tại tổ dân phố, khu phố, ấp trên địa bàn thành phố**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 32/2008/TTLT-BTC-BYT ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Bộ Tài chính - Bộ Y tế hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII kỳ họp thứ 19 về bổ sung nhiệm vụ và chế độ thù lao cho công tác viên Dân số - Kế hoạch hóa gia đình để thực hiện thêm nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ trẻ em tại tổ dân phố, khu phố, ấp trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Liên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Y tế tại Tờ trình liên tịch số 8406/LĐT BXH-STC-SNV-YT ngày 07 tháng 9 năm 2010 về việc thống nhất đề xuất bổ sung lực lượng công tác viên và chế độ thù lao cho công tác viên làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em tại tổ dân phố, khu phố, ấp trên địa bàn thành phố,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay bổ sung nhiệm vụ và chế độ thù lao cho công tác viên Dân số - Kế hoạch hóa gia đình để thực hiện thêm nhiệm vụ bảo vệ chăm sóc trẻ em tại tổ dân phố, khu phố, ấp trên địa bàn thành phố, cụ thể như sau:

1. Cộng tác viên Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thực hiện thêm nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em, với tên gọi mới “Cộng tác viên Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ, chăm sóc trẻ em”.

2. Mức thù lao: 200.000 đồng/người/tháng cho cộng tác viên thuộc địa bàn của 19 quận; 240.000 đồng/người/tháng cho cộng tác viên thuộc địa bàn của 05 huyện.

3. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

**Điều 2.** Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Nội vụ tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 87/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung một số chế độ cho đối tượng  
bảo trợ xã hội và cai nghiện ma túy, mại dâm; cán bộ, nhân viên đang  
công tác tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và  
Xã hội và Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 24/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại trung tâm quản lý sau cai nghiện;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2010/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 19 về việc điều chỉnh, bổ sung một số chế độ cho đối tượng bảo trợ xã hội và cai nghiện ma túy, mại dâm; cán bộ, nhân viên đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố;

Xét Tờ trình số 10498/LĐTBOXH-KH ngày 09 tháng 11 năm 2010 và Tờ trình số 10747/LĐTBOXH-KH ngày 16 tháng 11 năm 2010 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số chế độ cho đối tượng bảo trợ xã hội và cai nghiện ma túy, mại dâm; cán bộ, nhân viên đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung một số chế độ cho đối tượng bảo trợ xã hội và cai nghiện ma túy, mại dâm; cán bộ, nhân viên đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Lực lượng Thanh niên Xung phong thành phố, như sau:

1. Điều chỉnh tăng mức chuẩn để xác định trợ cấp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội từ 180.000 đồng (theo Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ) lên 240.000 đồng, áp dụng cụ thể như sau:

a) Đối với đối tượng xã hội đang quản lý tại phường, xã, thị trấn: tùy theo từng loại đối tượng, sẽ hỗ trợ mức trợ cấp hàng tháng theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP, với các mức trợ cấp: 240.000 đồng, 360.000 đồng, 480.000 đồng, 600.000 đồng, 720.000 đồng và 960.000 đồng.

b) Đối với đối tượng xã hội đang quản lý, nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội: được hưởng mức trợ cấp hàng tháng theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP, với hai mức trợ cấp: 480.000 đồng và 600.000 đồng.

2. Đối với đối tượng cai nghiện ma túy và người bán dâm tại các đơn vị sự nghiệp do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Lực lượng Thanh niên Xung phong thành phố quản lý:

- Vận dụng chế độ hỗ trợ tiền ăn với mức 360.000 đồng/người/tháng theo điểm a khoản 1 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thời gian trợ cấp tiền ăn: là toàn bộ thời gian chấp hành quyết định của người có thẩm quyền.

3. Đối với đối tượng người nghiện ma túy, người bán dâm lưu trú tạm thời tại Trung tâm Tiếp nhận đối tượng xã hội Bình Triệu:



- Vận dụng mức trợ cấp tiền ăn cho các đối tượng với mức 15.000 đồng/người/ngày theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thời gian trợ cấp tiền ăn: tính từ ngày đưa vào Trung tâm lưu trú tạm thời đến khi có quyết định phân bổ đối tượng vào cơ sở chữa bệnh.

4. Bổ sung chế độ trợ cấp theo trình độ chuyên môn và nhiệm vụ được phân công cho cán bộ, nhân viên theo Quyết định số 122/2007/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố đối với 08 đơn vị sau:

- Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ người bại liệt Thanh Lộc;
- Trung tâm Giáo dục dạy nghề Thiếu niên thành phố;
- Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ trẻ em Tam Bình;
- Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ trẻ tàn tật mồ côi Thị Nghè (Cơ sở 1);
- Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ trẻ em Gò Vấp;
- Làng Thiếu niên Thủ Đức;
- Trung tâm Bảo trợ người tàn tật Hiệp Bình Chánh;
- Trung tâm Dưỡng lão Thị Nghè.

**Điều 2.** Thời gian thực hiện chế độ trợ cấp nêu trên từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

**Điều 3.** Giao Sở Tài chính thành phố chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Lực lượng Thanh niên Xung phong tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên Xung phong thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 88/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải  
sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, Nghị định số 04/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và Nghị định số 26/2010/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 67/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2003 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và Thông tư liên tịch số 106/2007/TTLT-BTC-BTNMT ngày 06 tháng 9 năm 2007 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2003 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2010/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 11445/STC-ĐTSC ngày 10 tháng 11 năm 2010 về phương án điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt giai đoạn 2010 - 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố được quy định tại điểm b khoản 1.1 Điều 1 của Quyết định số 190/2004/QĐ-UB ngày 30 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

- Phương thức thu: Thu theo tỷ lệ % trên giá nước sạch.
- Mức thu: 10% trên giá nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến hết năm 2015.

- Các nội dung không đề cập vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 190/2004/QĐ-UB ngày 30 tháng 7 năm 2004 và Quyết định số 139/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, Giám đốc các đơn vị cung cấp nước sạch và các đối tượng sử dụng nước trên địa bàn thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

## ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 8**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2010/CT-UBND

*Quận 8, ngày 22 tháng 12 năm 2010*

### CHỈ THỊ

**Về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân; công tác tuyển sinh quân sự và công tác đăng ký, quản lý, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2011**

Chấp hành Chỉ thị số 25/2010/CT-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự; tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân; công tác tuyển sinh quân sự và công tác đăng ký, quản lý, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2011.

Công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và công tác đăng ký, quản lý, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng dự bị động viên trên địa bàn quận trong những năm qua có sự chuyển biến rõ rệt. Liên tục nhiều năm hoàn thành 100% chỉ tiêu của thành phố giao ở cả 2 cấp. Nhằm tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự; tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và công tác đăng ký, quản lý, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng dự bị động viên năm 2011, Ủy ban nhân dân quận 8 chỉ thị:

#### **1. Ban Chỉ huy Quân sự quận 8 (cơ quan Thường trực Hội đồng Nghĩa vụ quân sự quận):**

- Lập kế hoạch, hướng dẫn triển khai cho Hội đồng Nghĩa vụ quân sự 16 phường về công tác phức tạp nắm lại nguồn thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ năm 2011 (thanh niên tuổi 17, 18 đến 25) và quân nhân dự bị trên địa bàn quận, đảm bảo đủ số lượng theo quy định.

- Hướng dẫn Hội đồng Nghĩa vụ quân sự 16 phường trong việc tiến hành đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu đối với thanh niên tuổi 17 và thanh niên tuổi 18 đến 25 đăng ký lần đầu, đạt 100% và thực hiện tốt quy trình tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, công tác đăng ký, quản lý, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng dự bị động viên.

- Phối hợp chặt chẽ với Công an quận 8 trong việc đăng ký, quản lý nắm chắc biến động của thanh niên sẵn sàng nhập ngũ và lực lượng dự bị động viên để thực hiện tốt công tác động viên quân đội và tuyển quân năm 2011.

- Phối hợp Phòng Y tế quận 8, Bệnh viện quận 8, Trung tâm Y tế dự phòng quận 8 tổ chức kiểm tra sức khỏe cho thanh niên đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17, khám sức khỏe cho thanh niên tuổi 18 đến 25 và quân nhân dự bị khi tham gia huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng chiến đấu theo quy định; đồng thời, cùng các cơ quan, đơn vị, đoàn thể quận tổ chức tuyên truyền, vận động thanh niên tham gia đăng ký nghĩa vụ quân sự, khám sức khỏe gọi nhập ngũ và tham gia huấn luyện (kiểm tra sẵn sàng chiến đấu đối với quân nhân dự bị) tổ chức đón tiếp hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho quân nhân xuất ngũ về địa phương.

- Tổ chức hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị nhận quân để thống nhất kế hoạch giao nhận quân nghĩa vụ quân sự và quân dự bị huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, tạo điều kiện thuận lợi cho 16 phường thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu của Thành phố giao năm 2011.

## **2. Trưởng Công an quận 8:**

- Phối hợp Ban Chỉ huy Quân sự quận 8 thực hiện tốt việc đăng ký nghĩa vụ quân sự thanh niên tuổi 17 và tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ tuổi từ 18 đến 25; công tác tuyển sinh quân sự, công tác phúc tra đăng ký, quản lý, huy động lực lượng dự bị động viên tham gia huấn luyện, diễn tập theo quy định.

- Chỉ đạo Công an 16 phường phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự phường tổ chức rà soát, phúc tra nắm lại thanh niên và quân nhân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, những di biến động của thanh niên và quân nhân dự bị trên địa bàn để bảo đảm nguồn thực hiện hoàn thành chỉ tiêu thành phố giao.

- Tham gia xét duyệt về chính trị, đạo đức; tổ chức xác minh, kết luận chính xác về lý lịch chính trị của gia đình và bản thân công dân đủ điều kiện chuẩn bị gọi nhập ngũ theo Thông tư số 76/2006/TTLB-BQP-BCA ngày 03 tháng 5 năm 2006 của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an bảo đảm chính xác tránh sai sót, nhầm lẫn; đồng thời, chủ động chọn nguồn và phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy Quân sự quận tổ chức

thực hiện công tác tuyển chọn công dân phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân.

- Phối hợp Ban Chỉ huy Quân sự quận 8 và các đơn vị liên quan kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự.

- Chịu trách nhiệm đảm bảo công tác an ninh, trật tự trong ngày giao quân tại địa điểm tổ chức giao nhận quân.

### **3. Trưởng Phòng Y tế quận 8:**

- Cùng cố, bổ sung đủ thành phần cho Hội đồng Khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự theo quy định; Tuyển chọn những y, bác sĩ có trách nhiệm để thành lập đoàn khám và tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho các y, bác sĩ trong đoàn khám nắm chắc việc kết luận và phân loại sức khỏe cho thanh niên theo Thông tư số 14/2006/TTLT-BYT-BQP ngày 20 tháng 11 năm 2006 của Bộ Y tế - Bộ Quốc phòng và quy định của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam về việc không tuyển công dân có tật khúc xạ (cận thị, viễn thị) vào Quân đội, xét nghiệm HIV, nghiện ma túy cho số thanh niên trúng tuyển để báo cáo Hội đồng Nghĩa vụ quân sự loại khỏi danh sách trúng tuyển (những trường hợp dương tính).

- Chịu trách nhiệm bảo đảm kinh phí công tác kiểm tra sức khỏe cho số quân nhân dự bị trước khi huấn luyện, công dân đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17 và khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự cho công dân nam từ đủ 18 đến hết 25 tuổi để tuyển chọn, gọi nhập ngũ năm 2011.

- Riêng việc khám sức khỏe phục vụ cho công tác tuyển chọn công dân phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân thực hiện theo các quy định của Bộ Công an.

**4. Trưởng Phòng Tư pháp quận 8:** lập kế hoạch tuyên truyền, phổ biến Luật Nghĩa vụ quân sự (sửa đổi, bổ sung), Pháp lệnh về Lực lượng dự bị động viên và các văn bản có liên quan đến các tầng lớp nhân dân và đối với thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ và quân nhân dự bị trên địa bàn quận.

**5. Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 8:** chỉ đạo Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở thuộc quận đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cơ quan quân sự khi tiến hành thẩm tra, xác minh về học vấn của thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ.

**6. Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8:** hướng dẫn Trung tâm Văn hóa quận 8 các nội dung tuyên truyền Pháp lệnh về Lực lượng dự bị động viên, Luật

Nghĩa vụ quân sự, về truyền thống quân đội, truyền thống lực lượng võ trang quân nhằm phục vụ tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ.

**7. Giám đốc Trung tâm Văn hóa quận 8:** bằng nhiều hình thức tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân Pháp lệnh về Lực lượng dự bị động viên và Luật Nghĩa vụ quân sự nhất là đối với nam công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ về truyền thống quân đội, truyền thống lực lượng võ trang quân, khơi dậy tinh thần yêu nước của thế hệ tuổi trẻ quận hăng hái lên đường nhập ngũ. Tổ chức, chuẩn bị địa điểm hội trại tòng quân, lễ giao nhận quân đảm bảo long trọng, chu đáo, tiết kiệm và tạo khí thế sôi nổi trong ngày thanh niên lên đường nhập ngũ.

**8. Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 8:** chịu trách nhiệm bảo đảm kinh phí phục vụ cho công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17; công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ; điều động quân nhân dự bị tham gia kiểm tra sẵn sàng động viên, huấn luyện và đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ thường trực về địa phương; hội trại tòng quân, công tác động viên quân đội, tuyển sinh quân sự theo yêu cầu kế hoạch của Ban Chỉ huy Quân sự quận 8.

**9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quận:** theo chức năng của ngành dọc chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phường phối hợp các ban, ngành chức năng thực hiện công khai, bình cử trong nhân dân và tăng cường công tác tuyên truyền, vận động trong công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, quân nhân dự bị tham gia kiểm tra sẵn sàng động viên, huấn luyện, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chỉ tiêu năm 2011.

**10. Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 8:**

- Phối hợp các đơn vị liên quan giải quyết tốt các chế độ đối với thanh niên thi hành Nghĩa vụ quân sự, quân nhân tại ngũ và lực lượng dự bị động viên; giải quyết tốt chính sách hậu phương Quân đội, tạo việc làm đối với quân nhân xuất ngũ; kịp thời đề xuất Hội đồng Nghĩa vụ quân sự quận tháo gỡ khó khăn của gia đình có con em đang phục vụ tại ngũ để quân nhân an tâm hoàn thành nhiệm vụ.

**11. Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường:**

- Cửng cố, kiện toàn Hội đồng Nghĩa vụ quân sự phường đúng thành phần, số lượng theo quy định và thực hiện tốt quy trình tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, động viên Quân đội.

- Giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên chịu trách nhiệm trong phối hợp tổ chức thực hiện các bước theo quy trình tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ đảm bảo đủ số lượng chỉ tiêu và chất lượng cao.

- Chỉ đạo cho cơ quan Công an, quân sự phối hợp chặt chẽ trong công tác đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên, sắp xếp quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật vào các đơn vị dự bị động viên bảo đảm số và chất lượng theo chỉ tiêu được giao.

- Tổ chức phúc tra nắm chắc thực lực nguồn thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, quân nhân dự bị; đồng thời, tổ chức tuyên truyền, vận động sâu rộng trong nhân dân và nhất là đối với thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ để thực hiện tốt Luật Nghĩa vụ quân sự.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đảng viên trẻ tham gia nhập ngũ, mỗi phường phải có từ 1 - 2 đảng viên trẻ tham gia nhập ngũ và những đảng viên nhập ngũ phải có thời gian tham gia sinh hoạt ở chi bộ từ 06 tháng trở lên.

- Quan tâm, chăm lo hơn nữa chính sách hậu phương Quân đội; theo khả năng của địa phương để giải quyết kịp thời khó khăn của những gia đình có con em đang phục vụ tại ngũ để con em an tâm công tác hoàn thành nhiệm vụ và quân nhân dự bị có hoàn cảnh khó khăn.

Ủy ban nhân dân quận 8 yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quận tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này để góp phần hoàn thành thắng lợi chỉ tiêu đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn, gọi nhập ngũ và công tác đăng ký, quản lý, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên lực lượng dự bị động viên năm 2011./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Chung**



**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2010/QĐ-UBND

*Tân Phú, ngày 23 tháng 12 năm 2010***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động  
của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Phú****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 12/2010/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 14/2010/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 1236/TTr-NV ngày 15 tháng 11 năm 2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 07/QĐ-UB ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Văn Hạnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN TÂN PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Tổ chức và hoạt động của**

#### **Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Phú**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND  
ngày 23 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận)*

### **Chương I**

#### **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

##### **Điều 1. Vị trí và chức năng**

###### **1. Vị trí**

Văn phòng Ủy ban nhân dân quận (sau đây gọi tắt là Văn phòng) là cơ quan chuyên môn, bộ máy giúp việc của Ủy ban nhân dân quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; được cấp kinh phí hoạt động, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

###### **2. Chức năng**

Văn phòng có chức năng tham mưu tổng hợp giúp Ủy ban nhân dân quận về hoạt động của Ủy ban nhân dân quận; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân về công tác dân tộc; tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của Ủy ban nhân dân và các cơ quan nhà nước ở địa phương; đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Ủy ban nhân dân quận.

### **Chương II**

#### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

##### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt

động, báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân quận và các báo cáo khác của Ủy ban nhân dân quận theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

2. Chuẩn bị các báo cáo phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật. Thực hiện công tác thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất được giao theo quy định của pháp luật;

3. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân quận thông qua và giúp Ủy ban nhân dân quận kiểm tra, đôn đốc, tổng kết việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận;

4. Theo dõi, nắm tình hình hoạt động chung của Ủy ban nhân dân quận; tổ chức việc thu thập, tổng hợp và cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; chịu trách nhiệm rà soát trình tự thủ tục, thể thức văn bản trước khi trình Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định. Giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận kiểm tra tính hợp pháp, tính thống nhất giữa các văn bản, các luận cứ trong văn bản trước khi trình Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định;

5. Giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Ủy ban nhân dân quận với Thường trực Quận ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể quận và các cơ quan, tổ chức khác đóng trên địa bàn quận;

6. Tổ chức công bố, truyền đạt các quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân quận; các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên có liên quan. Giúp Ủy ban nhân dân quận phối hợp với các cơ quan chức năng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó;

7. Quản lý thống nhất việc ban hành văn bản của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận về công tác dân tộc; công tác công văn, giấy tờ, văn thư, hành chính, lưu trữ, tin học hóa quản lý hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật thuộc phạm vi của Văn phòng;

8. Chủ trì và phối hợp với Phòng Nội vụ quận và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện rà soát thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân quận, phường;

9. Trình Ủy ban nhân dân quận chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước thuộc phạm vi của Văn phòng;

10. Giúp Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận tổ chức tiếp công

dân, tiếp nhận các đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhân dân theo quy định của pháp luật;

11. Tổ chức các phiên họp, buổi làm việc, tiếp khách và các hoạt động của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Ủy ban nhân dân quận theo quy định;

12. Tham dự và ghi biên bản các phiên họp của Ủy ban nhân dân quận; tổng hợp, thông tin, báo cáo kết luận của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận đó;

13. Quản lý tài sản, trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật được giao theo quy định của pháp luật;

14. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng theo quy định của pháp luật, theo phân công của Ủy ban nhân dân quận;

15. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao và theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

#### **Điều 3. Tổ chức bộ máy**

1. Văn phòng có Chánh Văn phòng, không quá 03 Phó Chánh Văn phòng và các công chức khác.

a) Chánh Văn phòng là người đứng đầu cơ quan Văn phòng, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng.

b) Phó Chánh Văn phòng là người giúp Chánh Văn phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Chánh Văn phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Chánh Văn phòng vắng mặt, một Phó Chánh Văn phòng được Chánh Văn phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận.

c) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác Văn phòng phải là những người có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, am hiểu về ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, theo dõi; được áp dụng chế độ, chính sách đãi ngộ theo quy định của pháp luật; được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực công chức, Văn phòng tổ chức thành các bộ phận gồm:

- Tổ Tiếp công dân;
- Tổ Tiếp nhận và trả kết quả;
- Tổ Tổng hợp;
- Tổ Kế toán - Tài vụ - Quản trị;
- Tổ Hành chính - Văn thư - Lưu trữ;
- Tổ Tin học.

Tùy theo quy mô hoạt động, tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Văn phòng có thể bố trí công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Văn phòng, phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

#### **Điều 4. Biên chế**

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Văn phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

### **Chương IV** **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 5. Chế độ làm việc**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận phụ trách, điều hành các hoạt động của Văn phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Chánh Văn phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Chánh Văn phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Chánh Văn phòng khác, các Phó Chánh Văn phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Chánh Văn phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí giữa các Phó Chánh Văn phòng hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Chánh Văn phòng trực tiếp yêu cầu chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Chánh Văn phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Chánh Văn phòng trực tiếp phụ trách biết.

### **Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp**

1. Hàng tuần, lãnh đạo họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

3. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động của Văn phòng.

### **Điều 7. Môi quan hệ công tác**

1. Đối với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố:

Văn phòng chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Đối với Văn phòng Quận ủy:

Văn phòng phối hợp với Văn phòng Quận ủy xây dựng chương trình làm việc, lịch công tác, cung cấp thông tin, tư liệu phục vụ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quận ủy.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện môi quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Văn phòng chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Chánh Văn phòng tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Văn phòng có trách nhiệm quan hệ phối hợp thường xuyên với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các Hội quần chúng để nắm bắt và cung cấp các thông tin có liên quan đến chỉ đạo điều hành hoạt động của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận. Giúp Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện Quy chế phối hợp theo quy định của pháp luật.

5. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

a) Văn phòng có quan hệ chặt chẽ với Ủy ban nhân dân phường; đôn đốc việc thực hiện các quyết định, chỉ thị và các chủ trương của Ủy ban nhân dân quận; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường về nghiệp vụ hành chính đảm bảo sự thống nhất trên địa bàn quận theo quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 8.** Căn cứ Quy chế này, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng, xây dựng quy chế làm việc của cơ quan, trong đó phân công nhiệm vụ cán bộ, công chức phù hợp với trình độ, năng lực nhằm hoàn thành có hiệu quả các mặt công tác được giao.

**Điều 9.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng sau khi được Ủy ban nhân dân quận ký quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Văn Hạnh**



**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5687/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH****Về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000  
Khu liên hợp xử lý chất thải rắn và nghĩa trang Đa Phước  
tại xã Đa Phước và xã Phong Phú, huyện Bình Chánh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 5731/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Ban Quản lý các Khu liên hợp xử lý chất thải thành phố tại văn bản số 427/TTr-QLKLH-QHXD ngày 21 tháng 9 năm 2010 về việc đề nghị thẩm định phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn và nghĩa trang Đa Phước; ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh tại Văn bản số 3096/UBND ngày 17 tháng 9 năm 2010; ý kiến thẩm định của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Văn bản số 3141/TTr-SQHKT ngày 09 tháng 11 năm 2010,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn và nghĩa trang Đa Phước, tại xã Đa Phước và xã Phong Phú, huyện Bình Chánh (kèm theo hồ sơ thiết kế do Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch và Xây dựng CPC lập).

### 1. Về vị trí, quy mô, phạm vi quy hoạch:

- Vị trí: Khu đất quy hoạch thuộc xã Đa Phước và xã Phong Phú, huyện Bình Chánh.

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: 613,88ha, trong đó ranh khu xử lý chất thải rắn và nghĩa trang được xác định trên cơ sở ranh đồ án quy hoạch trước đây đã được phê duyệt theo Quyết định số 10454/KTST-QH ngày 31 tháng 8 năm 1999 của Kiến trúc sư Trưởng thành phố (nay là Sở Quy hoạch - Kiến trúc) và phần diện tích mở rộng thêm khoảng 55ha của Khu xử lý chất thải rắn do Công ty TNHH Xử lý chất thải rắn Việt Nam (Thông báo số 914/TB-VP ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố) và bao gồm phần diện tích cây xanh cách ly 322,57ha (Văn bản số 10084/TNMT-MTĐT ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường).

- Giới hạn khu đất như sau:

+ Phía Đông giáp sông Cần Giuộc;

+ Phía Tây giáp Quốc lộ 50 và khu dân cư hiện hữu;

+ Phía Nam giáp đất nông nghiệp, đường dự phóng (cao tốc liên vùng phía Nam);

+ Phía Bắc giáp đất nông nghiệp.

### 2. Lý do và sự cần thiết phải lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch:

- Quy mô diện tích thay đổi so với đồ án quy hoạch trước đây phê duyệt theo Quyết định số 10454/KTST-QH ngày 31 tháng 8 năm 1999 của Kiến trúc sư Trưởng thành phố (từ 258ha tăng lên là 613,88ha).

- Điều chỉnh lại quy mô diện tích của các khu chức năng: công trường xử lý rác, xử lý bùn, xử lý phân hầm cầu, nghĩa trang, trường bán, khu tái định cư... trong đó về phương án tái định cư giao Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh tổ chức thực hiện (Thông báo số 914/TB-VP ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Văn phòng Hội đồng

nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố) và khu trường bắn thi hành án chuyển đổi sang là đất dự trữ phát triển, không bố trí tại đây, đồng thời có xác định vùng cây xanh cách ly xung quanh.

- Quy hoạch xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị đảm bảo yêu cầu hoạt động của khu xử lý chất thải hiện đại, an toàn về môi sinh, môi trường, phù hợp với quy hoạch chung xây dựng huyện Bình Chánh.

### 3. Mục tiêu của nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch:

- Xác định tính chất, quy mô của các khu chức năng đã được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư như xử lý chất thải rắn, xử lý rác, xử lý bùn, xử lý phân hầm cầu, nghĩa trang...

- Bố trí các công trình phục vụ công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, tổ chức các mảng cây xanh cách ly bảo vệ môi trường, cây xanh cách ly dọc các tuyến sông, kênh, rạch... trong khu vực phù hợp với quy mô yêu cầu.

- Trên cơ sở đồ án quy hoạch chung của toàn huyện, kết nối về mạng lưới giao thông hoàn chỉnh, xây dựng các tuyến đường liên khu vực, đường chính khu vực, đường liên kết giữa các khu chức năng liên quan.

- Phục vụ yêu cầu nghiên cứu lập đồ án quy hoạch phân khu, kế hoạch quản lý sử dụng đất, quản lý đầu tư xây dựng phù hợp theo đồ án quy hoạch, trong đó cần đánh giá bổ sung đầy đủ về tác động môi trường chiến lược, tác động nguồn nước ngầm, mùi, vệ sinh phòng dịch...

- Xây dựng thành khu liên hợp xử lý chất thải mang tính hiện đại, đồng bộ và an toàn về môi sinh, môi trường.

### 4. Cơ cấu phân khu chức năng, phân bổ sử dụng đất:

Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch: 613,88ha, cơ cấu phân khu chức năng được phân bổ như sau:

Số TT	KHU CHỨC NĂNG	Theo nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đề xuất	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	KHU XỬ LÝ VÀ NGHĨA TRANG	297,75	48,5
1	Khu nghĩa trang	67,26	10,95
2	Khu công trường xử lý rác, chất thải...	160,81	26,19
3	Khu xử lý bùn thoát nước	40,02	6,52

4	Khu dự trữ phát triển	13,23	2,16
5	Trục đường vào	16,43	2,68
B	KHU CÂY XANH CÁCH LY - KÊNH RẠCH	<b>316,13</b>	<b>51,5</b>
	TỔNG CỘNG	<b>613,88</b>	<b>100</b>

### 5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- Mật độ xây dựng chung của khu xử lý và nghĩa trang: <10%
- Công suất hoạt động:
  - + Khu nghĩa trang: dự kiến khoảng 130.000 mộ; trong đó:
    - Mộ chôn chiếm tỷ lệ 50 - 60% (diện tích 3,85 m<sup>2</sup>/mộ)
    - Mộ cải táng chiếm tỷ lệ 40 - 50% (diện tích 1,5 m<sup>2</sup>/mộ)
  - + Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt : 800 tấn/ngày
  - + Khu xử lý rác : 3.000 tấn/ngày
  - + Khu xử lý chất thải hầm cầu : 500 m<sup>3</sup>/ngày
  - + Khu xử lý bùn : 3.000 m<sup>3</sup>/ngày
- Công nghệ xử lý: áp dụng các công nghệ tiên tiến cho phép xử lý chất thải với hiệu quả cao nhất, đảm bảo chất lượng môi trường đồng thời đạt hiệu quả kinh tế cao.
  - Chỉ tiêu cấp điện : 350 kWh/nhân viên/năm
  - Chỉ tiêu cấp nước : 30 - 120 lít/người/ngày
  - Chỉ tiêu thoát nước : 20 - 100 lít/người ngày.

### 6. Lưu ý chung:

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và trên cơ sở nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu 1/2000 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn và nghĩa trang Đa Phước được phê duyệt, khi triển khai đồ án quy hoạch, chủ đầu tư cần bổ sung làm rõ các nội dung yêu cầu sau:

- Nội dung ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh nêu tại Văn bản số 3096/UBND ngày 17 tháng 9 năm 2010 liên quan đến các vấn đề về mạng lưới hạ tầng kỹ thuật; san lấp sông, kênh, rạch theo ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 595/SNN-CCTL ngày 04 tháng 5 năm 2010) và Sở Giao thông vận tải (Công văn số 2355/SGTVT-CTN ngày 28 tháng 4 năm 2010); các ý

kiến đóng góp của dân cư tại khu vực thuộc xã Đa Phước và xã Phong Phú liên quan đến yếu tố môi sinh, môi trường, chức năng sử dụng đất...

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược cần có ý kiến thông qua của sở chuyên ngành;

- Bản đồ đo đạc hiện trạng xác định ranh của khu vực xử lý - nghĩa trang và khu vực hành lang cây xanh cách ly do đơn vị chức năng lập và Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận.

- Cập nhật nội dung liên quan về bến thủy nội địa và trồng cây xanh cách ly theo Văn bản số 3330/UBND-ĐTMT ngày 12 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, Ban Quản lý các Khu liên hợp xử lý chất thải thành phố phối hợp các sở ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh khảo sát, cập nhật, đảm bảo việc kết nối đồng bộ chung của khu vực, đặc biệt là hệ thống giao thông, xử lý nước thải...

**Điều 2.** Trên cơ sở nội dung nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn và nghĩa trang Đa Phước, tại xã Đa Phước và xã Phong Phú, huyện Bình Chánh được duyệt:

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh chỉ đạo Ban Quản lý các Khu liên hợp xử lý chất thải thành phố lập Đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 theo đúng Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ nhằm phục vụ yêu cầu quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng và tổ chức công bố đồ án quy hoạch trên địa bàn quản lý.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ban Quản lý các Khu liên hợp xử lý chất thải thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5765/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc duyệt Đề án quy hoạch sản xuất muối  
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (huyện Cần Giờ)  
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển sản xuất muối đến năm 2010 và năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 5249/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) huyện Cần Giờ;

Xét Tờ trình số 1769/SNN-KHTC ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt quy hoạch sản xuất muối trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (huyện Cần Giờ) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 và Đề án “Quy hoạch sản xuất muối tại thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn 2025”,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt đề án “Quy hoạch sản xuất muối trên địa bàn thành phố Hồ Chí

Minh (huyện Cần Giò) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025” với nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên đề án:** Quy hoạch sản xuất muối tại thành phố Hồ Chí Minh (huyện Cần Giò) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

**2. Địa điểm thực hiện:** các xã thuộc huyện Cần Giò.

**3. Nhiệm vụ, mục tiêu quy hoạch:**

- Xác lập cụ thể quỹ đất diêm nghiệp ổn định trên 10 năm phù hợp với điều kiện tự nhiên để phát triển sản xuất muối, cơ sở pháp lý để nghiên cứu triển khai thực hiện các cơ sở hạ tầng và chủ trương chính sách đầu tư hỗ trợ để nâng cao chất lượng;

- Tổ chức chuyển đổi phương thức sản xuất muối theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa có hiệu quả và bền vững; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu muối của người tiêu dùng và nguyên liệu cho các ngành công nghiệp, góp phần cùng cả nước giảm nhập khẩu muối; giải quyết việc làm ổn định, từng bước nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho diêm dân và người lao động, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và huyện Cần Giò;

- Tổ chức sản xuất muối theo quy hoạch, kết hợp với hoạt động du lịch sinh thái, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, phát triển làng nghề truyền thống ở nông thôn.

**4. Định hướng quy hoạch phát triển sản xuất muối:**

4.1. Tổng diện tích quy hoạch sản xuất muối đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 là 1.000ha, gồm:

Số TT	Địa bàn	Đơn vị	2010 (hiện trạng)	2020	2025
1	Xã Lý Nhơn	ha	918	800	800
2	Xã Thạnh An	ha	400	200	200
3	Xã Cần Thạnh	ha	202	0	0
4	Xã Long Hòa	ha	89	0	0
<b>Cộng toàn huyện</b>		<b>ha</b>	<b>1.609</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>

4.2. Mục tiêu:

- Đến năm 2015 có khoảng 500ha ruộng muối thực hiện phương pháp kết tinh muối trên ruộng trải bạt.

- Năm 2020: 100% diện tích muối sản xuất theo phương pháp kết tinh trên ruộng trải bạt, sản lượng 70.000 tấn - 75.000 tấn và sản phẩm sau muối.

- Năm 2025: tiếp tục nâng cao năng suất, sản lượng trên 80.000 tấn/năm và sản phẩm sau muối.

### **5. Các giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch:**

Tổ chức thực hiện theo chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2010 về phê duyệt đề án xây dựng và phát triển Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ giai đoạn 2010 - 2015 trên địa bàn thành phố. Tập trung:

#### **5.1. Trong lĩnh vực đất đai:**

Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ rà soát điều chỉnh lại quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm, phù hợp với quy hoạch này, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; giao đất hoặc cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất muối theo quy định của pháp luật về đất đai.

#### **5.2. Trong lĩnh vực khoa học công nghệ:**

- Ưu tiên đầu tư kinh phí cho các chương trình, đề tài nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm thuộc các lĩnh vực phát triển sản xuất, chế biến, bảo quản muối để nhanh chóng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nghề muối của thành phố.

- Đầu tư, hỗ trợ để mở rộng sản xuất muối sạch theo phương pháp kết tinh muối trên ruộng trải bạt, phấn đấu đến năm 2015 có khoảng 500ha ruộng muối sản xuất phương pháp kết tinh trên bạt nhựa; năm 2020 có 100% diện tích nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm muối Cần Giờ.

- Tăng cường đầu tư công tác khuyến diêm, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, nâng cao trình độ sản xuất, chế biến cho diêm dân.

#### **5.3. Về đầu tư, tín dụng:**

- Ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, kiên cố hóa cơ sở hạ tầng vùng sản xuất muối, bao gồm: đê bao, trạm bơm, hệ thống cống, kênh mương



cấp nước biển, hệ thống cống, kênh mương thoát nước, công trình giao thông, thủy lợi nội đồng, công trình xử lý ô nhiễm.

- Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đồng muối; đầu tư chiều sâu các cơ sở chế biến muối tinh, muối ăn và các sản phẩm sau muối; xây dựng, nâng cấp kho dự trữ muối, kinh doanh sản phẩm muối được vay vốn từ các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại với mức lãi suất ưu đãi theo quy định.

- Việc hỗ trợ lãi suất tín dụng từ ngân sách sẽ thực hiện theo chủ trương của thành phố đối với các chương trình mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, chương trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.

#### 5.4. Về đào tạo nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động:

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nghề muối, diêm nghiệp tại địa phương.

- Đối với lao động vùng chuyển đổi diện tích sản xuất muối sang mục đích sản xuất khác được áp dụng cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của Trung ương và thành phố trong các chương trình phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nghề và chuyển dịch cơ cấu lao động khu vực nông thôn, chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, chương trình khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn với mức ưu đãi cao nhất.

#### 5.5. Về hỗ trợ tổ chức phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm muối:

- Tiếp tục củng cố để nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã, Tổ Hợp tác hiện có, phát triển thêm hợp tác xã mới theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố; thực hiện chính sách hỗ trợ để phát triển các dịch vụ cung cấp vật tư, tiêu thụ sản phẩm và các nhu cầu cần thiết khác của diêm dân;

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp ký hợp đồng mua muối của diêm dân để chế biến và phục vụ tiêu dùng, đảm bảo tiêu thụ kịp thời muối cho diêm dân với giá cả hai bên cùng có lợi; thành lập các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, tiêu thụ muối và tổ chức Hội sản xuất và chế biến muối thành phố Hồ Chí Minh với phương án tổ chức hoạt động phù hợp để hỗ trợ diêm dân phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm kịp thời và bảo vệ quyền lợi của các thành viên;

- Diêm dân vay vốn sản xuất, cải tạo đồng muối, mua sắm trang thiết bị, hoàn chỉnh bờ bao nội đồng, đầu tư nâng cấp hệ thống bơm nước chạt (hệ thống điện, bơm

nước, đường ống dẫn...), phương tiện vận chuyển, bảo quản sản phẩm, cơ giới hóa được hưởng các chế độ ưu đãi, hỗ trợ lãi vay theo chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và các chính sách hỗ trợ khác của Nhà nước;

- Diêm dân có đề án mở rộng diện tích sản xuất muối theo phương pháp kết tinh muối trên ruộng trải bạt được hỗ trợ một phần chi phí bạt nhựa (không quá 0,5ha), chi phí bạt nhựa còn lại được hỗ trợ lãi suất theo Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp;

- Các Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư thành phố và các đơn vị liên quan có kế hoạch cụ thể hỗ trợ cho công tác xúc tiến thương mại sản phẩm muối theo chương trình xúc tiến thương mại và quy định của Nhà nước;

- Trong trường hợp giá tiêu thụ muối thấp dưới giá sàn, thành phố sẽ thực hiện chính sách hỗ trợ để thu mua theo giá sàn nhằm bảo đảm ổn định sản xuất và đời sống của diêm dân trong vùng quy hoạch sản xuất muối.

## **6. Các chương trình, dự án ưu tiên:**

6.1. Dự án xây dựng Kho dự trữ muối quốc gia: quy mô đầu tư: 03ha; kho dự trữ có sức chứa 15.000 tấn - 20.000 tấn muối; đầu tư các trang thiết bị hiện đại đảm bảo cho dự trữ. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ. Thời gian thực hiện: 2011 - 2012.

6.2. Dự án ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất muối: phát triển và mở rộng diện tích sản xuất muối theo phương pháp trải bạt ô kết tinh và cơ giới hóa vùng sản xuất muối xã Lý Nhơn và xã Thạnh An. Thời gian thực hiện: 2011 - 2014.

6.3. Dự án công nghiệp hóa, hiện đại hóa làng nghề muối xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ. Thời gian thực hiện: 2011 - 2015.

6.4. Chương trình xúc tiến thương mại đối với sản phẩm muối huyện Cần Giờ, tập trung tại 02 xã nằm trong quy hoạch sản xuất muối của huyện Cần Giờ (Lý Nhơn và Thạnh An). Thời gian thực hiện: 2011 - 2015.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ:**

- Tổ chức thực hiện quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất muối trên địa bàn huyện;

- Chỉ đạo xây dựng và triển khai các chương trình, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển sản xuất, chế biến muối trên địa bàn huyện;

- Tổ chức khảo sát đề xuất giá thành sản xuất muối để thành phố xem xét, hỗ trợ diêm dân ổn định sản xuất và đời sống;

- Lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình, dự án để thực hiện quy hoạch phát triển sản xuất muối có hiệu quả.

## 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các Sở, ngành liên quan hỗ trợ, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ thực hiện có hiệu quả quy hoạch phát triển sản xuất muối đến năm 2020, tầm nhìn 2025; hướng dẫn xây dựng và triển khai các dự án đầu tư phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ muối theo quy hoạch;

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đoàn thể nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích hỗ trợ để thu hút các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực phát triển sản xuất, tiêu thụ muối và hỗ trợ diêm dân chuyển đổi nghề; thẩm định và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố chương trình hỗ trợ diêm dân ổn định sản xuất và đời sống theo đề xuất của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ;

- Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã thành phố hỗ trợ huyện Cần Giờ củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã, tổ hợp tác muối; thực hiện chương trình hỗ trợ theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư thành phố xây dựng và triển khai đề án khuyến diêm, chương trình hỗ trợ xúc tiến thương mại, tiêu thụ các sản phẩm muối trên địa bàn thành phố.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức triển khai các đề tài, hoạt động nghiên cứu để nâng cao năng suất, chất lượng muối và sản phẩm sau muối.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và các Sở - ngành liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố bố trí vốn để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng vùng quy hoạch sản xuất muối, các chương trình và dự án trọng điểm vùng muối thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở

Công Thương, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã thành phố và Thủ trưởng các Sở - ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5881/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2010*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu II và một phần khu III thuộc Khu đô thị Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 số 30/2009/QH12 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2009 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010);

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2668/SQHKT-QHC ngày 27 tháng 9 năm 2010 về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu II và một phần khu III thuộc Khu đô thị Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh (kèm hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu II và một phần khu III thuộc Khu đô thị Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh do Công ty TNHH tư vấn Hyder và Công ty CP tư vấn đầu tư phát triển Phú Điền lập),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt nhiệm vụ quy hoạch đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu II và một phần khu III thuộc Khu đô thị Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung chính như sau (đính kèm hồ sơ lập Nhiệm vụ quy hoạch phân khu):

**1. Vị trí và quy mô nghiên cứu:**

1.1. Vị trí khu đất quy hoạch:

- Thuộc Khu đô thị Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh, nằm trên địa bàn xã Tân An Hội, huyện Củ Chi.

- Ranh giới khu vực lập quy hoạch:

+ Phía Bắc và Đông Bắc giáp công viên trung tâm thuộc khu VI Khu đô thị Tây Bắc;

+ Phía Đông giáp khu I, Khu đô thị Tây Bắc;

+ Phía Nam giáp huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thông qua kênh Thầy Cai;

+ Phía Tây và Tây Bắc giáp khu IV, Khu đô thị Tây Bắc.

1.2. Quy mô, dân số nghiên cứu:

- Quy mô khu đất nghiên cứu quy hoạch: 767,56ha, trong đó:

+ Khu II có diện tích 534ha;

+ Khu III có diện tích khoảng 469,4ha, không bao gồm diện tích khu dân cư Tân An Hội 104,72ha và khu Đại học Y dược 131,12ha.

- Dân số dự kiến: 58.000 - 62.000 người, trong đó:

+ Khu II có dân số khoảng từ 50.000 đến 53.000 người (theo quy hoạch chung 1/5000 được phê duyệt là 51.482 người).

+ Dân số của khu III theo quy hoạch chung 1/5000 là 20.676 người. Dân số khu dân cư Tân An Hội là 12.667 người theo quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 của Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh ngày 15 tháng 3 năm 2010. Trường Đại học Y dược theo định hướng quy hoạch chung 1/5000 và nội dung đồ án đang được triển khai không có dân cư lưu trú dài hạn. Vì vậy, quy mô dân số đề xuất cho một phần khu III (không bao gồm khu dân cư Tân An Hội và Trường Đại học Y Dược) là từ 8.000 đến 8.500 người.

Tuy nhiên, khi triển khai hạ tầng kỹ thuật phải lưu ý đến lưu lượng người khi khu Đại học Y Dược đi vào hoạt động.

## 2. Tính chất, chức năng quy hoạch:

Là khu đô thị sinh thái cao cấp với hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật hiện đại được cấu thành bởi các yếu tố nền tảng:

- Hệ thống sông nước;
- Các không gian mở;
- Sử dụng đất tối đa hóa khả năng tương hỗ giữa địa phương, vùng lân cận và khu vực dự án.
- Giao thông vận tải và cơ sở hạ tầng;
- Môi trường chất lượng.

## 3. Phương án bố cục, phân khu chức năng:

Phương án nhằm xây dựng một cộng đồng dân cư sinh thái có kênh trung tâm kết nối Công viên Trung tâm Khu đô thị Tây Bắc và các cụm công trình lân cận, có các kênh nước tự nhiên bao quanh, các khu đất ngập nước và không gian mở xanh. Các kênh hiện tại sẽ được cải tạo gắn kết lẫn nhau tạo nên hệ thống mạng lưới mặt nước xanh, có khả năng hình thành và phát triển các hoạt động du lịch và thể thao dưới nước, du lịch nghỉ dưỡng và các công trình phức hợp là điểm nhấn cho khu quy hoạch.

Hệ thống không gian mở công cộng được kết nối với công viên trung tâm và các khu vực lân cận.

Đây là phương án ưu tiên hướng đến việc tạo môi trường dân cư chất lượng cao, được kết hợp hài hòa với cơ cấu sử dụng đất chung, một hệ thống không gian mở công cộng hỗn hợp và mạng mặt nước.

## 4. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch:

### 4.1. Cơ cấu sử dụng đất:

#### 4.1.1. Khu II:

Số TT	Loại đất	Theo quy hoạch chung 1/5000		Phương án quy hoạch	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>A. Đất đơn vị ở</b>		<b>321,00</b>	<b>60,1</b>	<b>299,23</b>	<b>56,04</b>
1	Đất nhóm nhà ở (1*)	203,97	38,2	182,00	34,08

2	Công trình công cộng	34,88	6,5	34,00	6,36
	Trong đó gồm:				
	- Đất hành chính			1,00	0,19
	- Đất giáo dục			21,50	4,03
	- Đất y tế			3,50	0,65
	- Đất văn hóa			6,00	1,12
	- Đất thương mại			2,00	0,37
3	Cây xanh và thể dục thể thao	16,00	3,0	16,23	3,04
4	Giao thông khu ở	66,15	12,4	67,00	12,55
	- Giao thông động	46,15	8,64	47,00	8,80
	- Giao thông tĩnh	20,00	3,75	20,00	3,75
5	Đất hỗn hợp	0,00	0,0	0,00	0,00
<b>B. Đất ngoài đơn vị ở</b>		<b>213,00</b>	<b>39,9</b>	<b>234,77</b>	<b>43,96</b>
1	Công trình công cộng	0,00	0,0	20,00	3,75
	- Đất dịch vụ du lịch	0,00	0,0	20,00	3,75
2	Đất giao thông đối ngoại	8,79	1,6	8,79	1,64
3	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	0,00	0,0	0,00	0,00
4	Đất cây xanh	133,42	25,0	134,48	25,18
5	Mặt nước, kênh rạch	70,79	13,3	71,50	13,39
<b>Tổng cộng</b>		<b>534,00</b>	<b>100,00</b>	<b>534,00</b>	<b>100,00</b>

(1\*): một phần diện tích khoảng 20ha đất nhóm nhà ở theo đồ án quy hoạch chung 1/5000 được đề xuất chuyển thành chức năng đất dịch vụ du lịch kết hợp dân cư trong phương án quy hoạch nhằm đa dạng hóa chức năng sử dụng đất, tăng tính hấp dẫn của khu quy hoạch.

#### 4.1.2. Một phần khu III:

Số TT	Loại đất	Theo quy hoạch chung 1/5000		Phương án quy hoạch	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>A. Đất đơn vị ở</b>		<b>161,40</b>	<b>34,4</b>	<b>58,87</b>	<b>25,21</b>
1	Đất nhóm nhà ở	110,04	23,4	14,21	6,09



2	Công trình công cộng (1*)	5,92	1,3	1,8	0,77
	Trong đó gồm:				
	- Đất giáo dục			1,3	0,56
	- Đất văn hóa			0,50	0,21
3	Cây xanh và Thể dục thể thao	0,00	0,0	0,00	0,00
4	Giao thông khu ở	9,30	2,0	7,60	3,25
	- Giao thông động	4,30	0,92	7,60	3,25
	- Giao thông tĩnh	5,00	1,07	0,00	0,00
5	Đất hỗn hợp	36,14	7,7	35,26	15,1
<b>B. Đất ngoài đơn vị ở</b>		<b>308,00</b>	<b>65,6</b>	<b>174,69</b>	<b>74,79</b>
1	Công trình công cộng	180,78	38,5	61,10	26,16
	- Trung tâm công cộng (2*)	179,18	38,2	59,50	25,47
	- Đất giáo dục	1,60	0,3	1,60	0,69
2	Đất giao thông đối ngoại	39,90	8,5	39,90	17,08
3	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	0,00	0,0	0,00	0,00
4	Đất cây xanh (3*)	46,73	10,0	38,73	16,58
5	Mặt nước, kênh rạch (3*)	40,59	8,6	34,96	14,97
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>469,40</b>	<b>100,00</b>	<b>233,56</b>	<b>100,00</b>

(1\*): diện tích *đất công trình công cộng đơn vị ở* trong phương án quy hoạch một phần khu III giảm nhiều do đã có khoảng 6,65ha dành cho các chức năng công cộng trong khu dân cư Tân An Hội được phê duyệt.

(2\*): diện tích *đất trung tâm công cộng ngoài đơn vị ở* giảm mạnh do đã tách khu Đại học Y Dược khoảng 131,12ha ra khỏi đồ án.

(3\*): diện tích *đất cây xanh và mặt nước kênh, rạch ngoài đơn vị ở* trong phương án quy hoạch giảm do cũng đã có một phần khoảng 13,63ha được thực hiện trong khu dân cư Tân An Hội.

#### 4.2. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

##### 4.2.1. Khu II:

Quy mô dân số dự kiến : 50.000 đến 53.000 người.

Chỉ tiêu khu II

Trong đó:

- Đất đơn vị ở	: 56,4 - 60 m <sup>2</sup> /người
+ Đất xây dựng nhóm nhà ở	: 34,3 - 36,5 m <sup>2</sup> /người
+ Đất công trình dịch vụ	: 6,4 - 6,8 m <sup>2</sup> /người
+ Đất cây xanh - thể dục thể thao	: 3 - 3,3 m <sup>2</sup> /người
+ Đất giao thông	: 12,5 - 13,5 m <sup>2</sup> /người

#### 4.2.1. Một phần khu III:

Quy mô dân số dự kiến : 8.000 đến 8.500 người.

Chỉ tiêu một phần khu III

Trong đó:

- Đất đơn vị ở	: 69,2 - 73,6 m <sup>2</sup> /người
+ Đất xây dựng nhóm nhà ở	: 16,7 - 17,8 m <sup>2</sup> /người
+ Đất công trình dịch vụ	: 2,12 - 2,25 m <sup>2</sup> /người
+ Đất giao thông	: 8,9 - 9,5 m <sup>2</sup> /người
+ Đất hỗn hợp	: 41,4 - 44,1 m <sup>2</sup> /người

#### 4.3. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

- Cấp điện sinh hoạt	: 2000 - 2500 kwh/ng/năm
- Cấp nước sinh hoạt	: 200 lít/người/ngày đêm
- Thoát nước bản sinh hoạt	: 200 lít/người/ngày đêm
- Rác đô thị	: 1 - 1,5 kg/người/ngày
- Mật độ xây dựng toàn khu	: 30 - 40%
- Tầng cao	: 2,5 - 15 tầng.

### 5. Phương hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

#### 5.1. Giao thông:

##### a) Giao thông đường bộ:

Hệ thống đường bộ được quy hoạch bao gồm đường đối ngoại và đường đối nội. Đường đối ngoại gồm các tuyến đường chính và đường liên khu vực có lộ giới từ 40m đến 60m được dự kiến căn cứ theo quy hoạch chung Khu đô thị Tây Bắc. Trong

các khu chức năng dự kiến xây dựng mới các tuyến đường nội bộ khác bổ sung đảm bảo chỉ tiêu mật độ giao thông trong khu vực nghiên cứu.

- Diện tích giao thông khu II chiếm khoảng 14,19% diện tích và chỉ tiêu giao thông phân theo chức năng như sau:

+ Giao thông đối ngoại: bao gồm đường kênh Thầy Cai và nút giao thông chính, chiếm khoảng 1,64% diện tích chung.

+ Giao thông đối nội: bao gồm đường đối nội và bãi đậu xe, chiếm khoảng 12,55% diện tích và khoảng 12,5 - 13,5m<sup>2</sup>/người.

- Diện tích giao thông một phần khu III chiếm khoảng 20,33% diện tích và chỉ tiêu giao thông phân theo chức năng như sau:

+ Giao thông đối ngoại: bao gồm đường kênh Thầy Cai, đường Tỉnh lộ 8 và các nút giao thông chính, chiếm khoảng 17,08% diện tích chung.

+ Giao thông đối nội: bao gồm đường đối nội và bãi đậu xe, chiếm khoảng 3,25% diện tích và khoảng 8,5 - 9,5m<sup>2</sup>/người.

b) Giao thông thủy:

Trong ranh khu vực nghiên cứu kỹ kênh Thầy Cai và kênh số 10 có chức năng giao thông thủy.

### 5.2. Cấp điện:

- Nguồn điện dự kiến: dự kiến được cấp điện từ trạm 110/15-22kV Củ Chi hiện hữu và các trạm 110/22kV dự kiến xây dựng ở Khu đô thị Tây Bắc: Tân Phú Trung, đô thị Tây Bắc 1, đô thị Tây Bắc 2.

- Chỉ tiêu cấp điện 2000 - 2500 kwh/người/năm.

### 5.3. Cấp nước:

- Nguồn nước cấp sinh hoạt cho khu vực dự kiến quy hoạch, là nguồn nước máy thành phố, dựa vào tuyến ống cấp nước thuộc hệ thống cấp nước của Nhà máy nước Kênh Đông theo quy hoạch chung toàn khu đô thị đã được phê duyệt quy hoạch chung.

- Tiêu chuẩn nước cấp sinh hoạt dân cư  $q_{sh} = 200$  lít/người ngày đêm.

- Tiêu chuẩn nước cấp dịch vụ công cộng  $q_{dv} = 30$  lít/người ngày đêm.

### 5.4. San nền - thoát nước mặt:

Sử dụng hệ thống cống ngầm và các kênh hiện hữu cải tạo để tổ chức thoát nước mưa. Hướng thoát nước mặt chủ yếu đổ về hướng kênh Thầy Cai.

- Tôn nền phần lớn diện tích khu đất kết hợp với việc tạo các hồ cảnh quan.
- Cao độ xây dựng chọn :  $\nabla_{xd} \geq 2,0m$ .
- Cao độ đáy hồ cảnh :  $-2,50m$ .

#### 5.5. Thoát nước bản, vệ sinh môi trường:

Theo Đồ án Quy hoạch chung Khu đô thị Tây Bắc (1/5000), nước thải trong khu quy hoạch được thu gom vào hệ thống cống thoát nước thải riêng và đưa về 2 trạm xử lý nước thải khu vực số 2 và khu vực số 3. Nước thải sau xử lý phải đạt tiêu chuẩn TCVN 7222 - 2002 trước khi xả ra kênh, rạch.

STT	Loại nước thải	Tiêu chuẩn
1	Sinh hoạt	200 lít/người/ngày
2	Dịch vụ công cộng	30 lít/người/ngày
3	Khách vãng lai	20 lít/người/ngày
4	Tiểu thủ công nghiệp	15 lít/người/ngày

Hệ số không điều hòa ngày: 1,1.

Rác thải sinh hoạt được tập trung và vận chuyển về các khu xử lý tập trung của thành phố. Tiêu chuẩn rác thải: 1 kg/người/ngày đêm.

#### 5.6. Giải pháp về môi trường:

- Quy hoạch đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh từ bờ rạch Phước Hiệp đến khu dân cư tối thiểu 1.500m, từ Khu Công nghiệp Tân Phú Trung tối thiểu 50m.
- Di dời các cơ sở công nghiệp vô khu hoặc cụm công nghiệp tập trung.
- Hạn chế lấp rạch, đảm bảo hành lang bảo vệ bờ sông, kênh, rạch theo Quyết định số 150/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch.

### 6. Cần lưu ý một số điểm khi thực hiện đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000:

- Một phần khu III:
- + Khi triển khai hạ tầng kỹ thuật phải lưu ý đến lưu lượng người khi khu Đại học Y Dược đi vào hoạt động.

+ Diện tích đất cây xanh và thể dục thể thao khu ở trong phương án đề xuất tuân thủ theo quy hoạch chung 1/5000. Khi triển khai đồ án quy hoạch phân khu và các đồ án quy hoạch chi tiết sẽ phải dành quỹ đất cho hạng mục này.

- Lưu ý nghiên cứu tuyến monorail trong nội ô Khu đô thị Tây Bắc kết nối với tuyến metro dự kiến khi xây dựng đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 8929/VP-ĐTMT ngày 27 tháng 11 năm 2009.

- Khi thực hiện lập đồ án quy hoạch phân khu và các đồ án quy hoạch chi tiết cần căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng.

**Điều 2.** Trên cơ sở nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được duyệt giao Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị Tây Bắc quản lý quy hoạch phân khu trên địa bàn và sớm lập các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Trưởng ban Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

# VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
VĂN PHÒNG  
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI  
VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2010

Số: 460/CV-VP  
Về đính chính văn bản.

Kính gửi:

- Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố;
- Ủy ban nhân dân thành phố.

Do sơ suất trong khâu đánh máy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố đính chính sai sót tại Phụ lục Biểu mức thu phí qua các bến phà trên địa bàn thành phố (bến phà Thủ Thiêm, Bình Khánh và Cát Lái) áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2010/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố*) như sau:

Tại dòng số thứ tự 07 của Phụ lục Biểu mức thu phí qua các bến phà trên địa bàn thành phố (bến phà Thủ Thiêm, Bình Khánh và Cát Lái) áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2010/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố*) quy định mức thu phí đối với xe ô tô con dưới 7 chỗ ngồi tại Bến phà Thủ Thiêm là **11.000 đồng/xe**.

Nay sửa lại là:

Mức thu phí đối với xe ô tô con dưới 7 chỗ ngồi tại Bến phà Thủ Thiêm là **12.000 đồng/xe**.

(đính kèm Phụ lục đính chính Biểu mức thu phí qua các bến phà trên địa bàn thành phố (bến phà Thủ Thiêm, Bình Khánh và Cát Lái) áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2011)./.

CHÁNH VĂN PHÒNG

**Đỗ Kim Thúy**

**PHỤ LỤC****Biểu mức thu phí qua các bến phà trên địa bàn thành phố  
(bến phà Thủ Thiêm, Bình Khánh và Cát Lái)****áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2011***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2010/NQ-HĐND**ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố)*

<b>Số TT</b>	<b>Đối tượng qua phà</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Bến Thủ Thiêm</b>	<b>Bến Cát Lái</b>	<b>Bến Bình Khánh</b>
1	Hành khách đi bộ	đồng/người	1.000	1.000	1.000
2	Hành khách đi xe đạp	đồng/người-xe	1.000	1.000	1.000
3	Hành khách đi xe gắn máy	đồng/người-xe	2.000	3.000	4.500
4	Xe thô sơ không hàng	đồng/xe	2.000	3.000	6.000
5	Xe thô sơ có hàng	đồng/xe	3.500	6.000	12.000
6	Xe 3 bánh	đồng/xe	6.000	6.000	8.000
7	Xe ô tô con dưới 7 chỗ ngồi	đồng/xe	<b>12.000</b>	15.000	23.000
8	Xe khách từ 7 đến 20 chỗ ngồi	đồng/xe	16.000	20.000	28.000
9	Xe khách từ 20 đến 30 chỗ ngồi	đồng/xe	18.000	22.000	31.000
10	Xe khách trên 30 chỗ ngồi	đồng/xe	22.000	30.000	46.000
11	Xe tải dưới 3 tấn	đồng/xe	17.000	25.000	39.000
12	Xe tải từ 3 đến dưới 5 tấn	đồng/xe	24.000	30.000	46.000
13	Xe tải từ 5 đến dưới 7 tấn	đồng/xe	36.000	48.000	77.000
14	Xe tải từ 7 đến dưới 10 tấn	đồng/xe	48.000	60.000	93.000
15	Xe tải từ 10 đến dưới 13 tấn hoặc xe đầu kéo không rơ moóc	đồng/xe	60.000	72.000	108.000
16	Xe tải từ 13 đến dưới 15 tấn	đồng/xe	72.000	84.000	124.000
17	Xe tải từ 15 tấn trở lên	đồng/xe		108.000	185.000
18	Xe đầu kéo rơ moóc	đồng/xe		144.000	232.000

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

---

---

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb@tphcm.gov.vn](mailto:tcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

**Giá: 14.000 đồng**